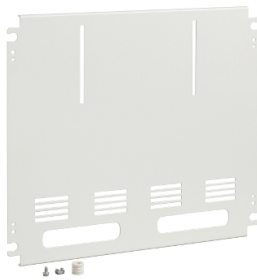


Bảng thông số sản phẩm

Thông số kỹ thuật



MOUNTING PLATE FOR 2 3P-METERS W600

03152

⚠️ **Ngừng sản xuất vào:** 15 thg 6, 2023

⚠️ **Ngừng sản xuất**

Main

Range	Prisma
Range Of Product	Prisma G
Product Or Component Type	Mounting plate
Accessory / Separate Part Category	Installation accessory
Range Compatibility	Prisma Prisma G enclosure Prisma Prisma P cubicle
Installation Description	Floor-standing enclosure - width 600 mm Wall-mounted enclosure - width 600 mm Cubicle - width 650 mm depth 400 mm Pack enclosure - width 555 mm
Installed Device	Power meters: kilowatt-hour meters - vertical installation
Poles Description	2 x 4P: kilowatt-hour meters vertical installation 2 x 3P: kilowatt-hour meters vertical installation
Number Of Vertical Modules [50 Mm]	8 module(s): kilowatt-hour meters in 600 mm Widefloor-standing enclosure 8 module(s): kilowatt-hour meters in 600 mm Widewall-mounted enclosure 9 module(s): kilowatt-hour meters in 600 mm Widefloor-standing enclosure 9 module(s): kilowatt-hour meters in 600 mm Widewall-mounted enclosure 9 module(s): kilowatt-hour meters in 650 mm Widecubicle 9 module(s): kilowatt-hour meters in 555 mm WidePack enclosure
Standards	IEC 61439-2
Product Certifications	ASEFA

Complementary

Protective Treatment	Electrophoresis treatment and hot-polymerised polyester epoxy powder
Surface Finish	Matt Smooth
Colour	White (RAL 9001)
Width	600 mm
Height	400 mm
Net Weight	2.28 kg
Functional Unit	600 mm Prisma G floor-standing enclosure power meters kilowatt-hour meters vertical 4P 2 8 50 mm 600 mm Prisma G wall-mounted enclosure power meters kilowatt-hour meters vertical 4P 2 8 50 mm 600 mm Prisma G floor-standing enclosure power meters kilowatt-hour meters vertical 4P 2 9 50 mm 600 mm Prisma G wall-mounted enclosure power meters kilowatt-hour meters vertical 4P 2 9 50 mm 650 mm 400 mm Prisma P cubicle power meters kilowatt-hour meters vertical 4P 2 9 50 mm

Miễn trừ trách nhiệm: Tài liệu này không nhằm thay thế và không được sử dụng để xác định tính phù hợp hoặc độ tin cậy của các sản phẩm này cho các ứng dụng người dùng cụ thể

Packing Units

Unit Type Of Package 1	PCE
Number Of Units In Package 1	1
Package 1 Height	1.500 cm
Package 1 Width	42.000 cm
Package 1 Length	47.000 cm
Package 1 Weight	2.280 kg
Unit Type Of Package 2	BB1
Number Of Units In Package 2	10
Package 2 Height	17.000 cm
Package 2 Width	54.000 cm
Package 2 Length	82.000 cm
Package 2 Weight	23.920 kg
Unit Type Of Package 3	P12
Number Of Units In Package 3	100
Package 3 Height	98.000 cm
Package 3 Width	80.000 cm
Package 3 Length	120.000 cm
Package 3 Weight	239.200 kg

Bền vững

Nhãn **Green Premium™** là cam kết của Schneider Electric trong việc cung cấp sản phẩm với hiệu suất môi trường tốt nhất. Green Premium cam kết tuân thủ các quy định mới nhất, minh bạch về tác động môi trường, cũng như các sản phẩm tuần hoàn và CO₂ thấp.

Hướng dẫn đánh giá tính bền vững của sản phẩm là tài liệu kỹ thuật phổ thông giúp làm rõ các tiêu chuẩn nhãn sinh thái toàn cầu và cách diễn giải việc khai báo môi trường.

[Tìm hiểu thêm về Green Premium >](#)

[Hướng dẫn đánh giá về sự bền vững của sản phẩm >](#)



Minh bạch RoHS/REACH

Hiệu suất sức khỏe

- ✓

Reach Free Of Svhc
- ✓

Toxic Heavy Metal Free
- ✓

Mercury Free
- ✓

RoHS Exemption Information

Yes
- ✓

Halogen Free Plastic Parts Product

Chứng nhận & Tiêu chuẩn

Eu RoHS Directive	Pro-active compliance (Product out of EU RoHS legal scope) EU RoHS Declaration
China RoHS Regulation	China RoHS declaration Pro-active China RoHS declaration (out of China RoHS legal scope)
Environmental Disclosure	Product Environmental Profile